

# Xy lanh nhỏ gọn ADNGF-50-15-P-A

Số bộ phận: 554260



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 15 mm                                                         |
| Ø pít tổng                                            | 50 mm                                                         |
| Dựa trên tiêu chuẩn                                   | ISO 21287                                                     |
| Đệm                                                   | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tổng<br>Cần piston<br>Ổng định hình                       |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng                           | Trục dẫn hướng có vòng kẹp                                    |
| Áp suất vận hành                                      | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar                             |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 1 J                                                           |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 1057 N                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 1178 N                                                        |
| Khối lượng di chuyển                                  | 333 g                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                                  | 751 g                                                         |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vít cổ vật liệu                                       | Thép                                                          |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |
| Vật liệu của phốt                                     | TPE-U(PUR)                                                    |
| Vật liệu đế cuối van                                  | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép hợp kim                                                  |
| Vật liệu vỏ xy lanh                                   | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn                                |